

THÔNG KÊ CHẤT LƯỢNG GIÁO VIÊN CUỐI NĂM HỌC 2022 -2023
(Thời điểm thống kê 27/4/2023)

STT	HỌ VÀ TÊN	Vị trí việc làm	Ngày sinh			Giới tính	Dân tộc	Bảng CMSP cao nhất		Nghị quyết QLGD			Trình độ tin học		Chứng nhận tham gia các lớp đào tạo CNTT	Trình độ ngoại ngữ			Trình độ Chính trị		Hạng CDNN	Bồi dưỡng hạng CDNN	Đảng viên
			Ngày	Tháng	Năm			(chỉ nhập dân tộc khác Kinh)	TC/CĐ/ĐH/Ths	Đang học	BDQL TTCM	CN Ths	Đang học	Chứng chỉ Văn bằng		Đang học	CC NGOẠI NGỮ (A, B, C) (đối với GV Tiếng Anh chọn Ngoại ngữ 2)	KHUNG NĂNG LỰC NN VN CC V-STEP	KHUNG NĂNG LỰC NN CHÂU ÂU FCE	SC/TC CC/CN			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(24)	(25)
1	Phạm Thị Ngân An	GV NGỮ VĂN	8	1	1986	Nữ		ĐH						UD CNTT Cơ bản				B1	TC		II - V.07.04.31	II	x
2	Trần Thị Kim Anh	GV VẬT LÝ	11	8	1979	Nữ		ĐH						UD CNTT Cơ bản		Tiếng Anh A			SC		II - V.07.04.11		x
3	Ngô Thị Thanh Cảnh	GV LỊCH SỬ	6	8	1989	Nữ		ĐH						UD CNTT Cơ bản			A2		TC		II - V.07.04.11	II	x
4	Đoàn Kim Chi	GV TOÁN	24	1	1980	Nữ		ĐH						UD CNTT Cơ bản				A2	TC		II - V.07.04.31	II	
5	Nguyễn Thị Kim Cúc	GV NGOẠI NGỮ 1 (TA)	1	2	1977	Nữ		ĐH						UD CNTT Cơ bản			A2		SC		II - V.07.04.11		
6	Dương Thị Thu Đông	GV NGỮ VĂN	24	4	1978	Nữ		ĐH						UD CNTT Cơ bản		Tiếng Anh A			SC		II - V.07.04.11	II	
7	Phạm Ngọc Duyên	GV NGỮ VĂN	7	4	1989	Nữ		ĐH						UD CNTT Cơ bản			A2		TC		III - V.07.04.32	II	
8	Dương Ngọc Hải	GV GDTC	16	4	1994	Nam		CĐ	ĐH					UD CNTT Cơ bản			A2		SC		II - V.07.04.12		
9	Nguyễn Ngọc Hân	GV SINH	17	10	1983	Nữ		ĐH						UD CNTT Cơ bản		Tiếng Anh A			SC		II - V.07.04.11	II	
10	Nguyễn Thị Minh Hằng	GV NGOẠI NGỮ 1 (TA)	1	12	1978	Nữ		ĐH						UD CNTT Cơ bản			A2		TC		II - V.07.04.31	II	x
11	Lê Thị Ngọc Hạnh	GV VẬT LÝ	19	10	1978	Nữ		ĐH		TTCM				UD CNTT Cơ bản			A2		TC		II - V.07.04.31	II	x
12	Nguyễn Thị Kim Hạnh	GV TOÁN	1	7	1979	Nữ		ĐH						UD CNTT Cơ bản			A2		TC		II - V.07.04.11	II	
13	Trần Thị Thu Hiền	GV NGOẠI NGỮ 1 (TA)	16	6	1995	Nữ		Ths						UD CNTT Cơ bản				B1	TC		III - V.07.04.32		
14	Đặng Hữu Hưng	GV VẬT LÝ	26	5	1991	Nam		ĐH						UD CNTT Nâng cao			A2		SC		III - V.07.04.32		x
15	Trần Thị Thu Hương	GV NGỮ VĂN	25	12	1973	Nữ		ĐH						UD CNTT Cơ bản			A2		SC		II - V.07.04.31	II	
16	Đoàn Thị Hương	GV VẬT LÝ	10	9	1991	Nữ		ĐH						UD CNTT Cơ bản				B1	SC		II - V.07.04.31	II	
17	Nguyễn Thị Thu Hương	GV ĐỊA LÝ	2	8	1988	Nữ		ĐH						UD CNTT Cơ bản			A2		SC		III - V.07.04.32	II	
18	Hoàng Thị Huyền	GV NGOẠI NGỮ 1 (TA)	6	5	1977	Nữ		ĐH						UD CNTT Cơ bản				B1	SC		II - V.07.04.11	II	
19	Phạm Việt Khánh	GV GDTC	20	12	1986	Nam		ĐH						UD CNTT Cơ bản			A2		SC		II - V.07.04.31	II	x
20	Nguyễn Thị Bích Lê	GV GDCD	10	11	1975	Nữ		CĐ						UD CNTT Cơ bản			A2		SC		III - V.07.04.12		
21	Nguyễn Thị Liên	GV HÓA	15	1	1972	Nữ		ĐH						UD CNTT Cơ bản			A2		SC		II - V.07.04.31	II	
22	Lâm Thị Minh	GV TOÁN	20	2	1979	Nữ		CĐ						UD CNTT Cơ bản		Tiếng Anh A			SC		III - V.07.04.12		
23	Lai Thị Nam	GV LỊCH SỬ	20	9	1983	Nữ		ĐH						UD CNTT Cơ bản			A2		SC		II - V.07.04.31	II	x
24	Ngô Thị Nguyệt Nga	GV NGỮ VĂN	23	6	1990	Nữ		ĐH						UD CNTT Cơ bản			A2		SC		III - V.07.04.32		

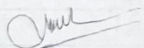


25	Vũ Thị Nga	GV LỊCH SỬ	12	9	1983	Nữ		DH																II - V.07.04.31			
26	Trần Mỹ Ngân	GV TOÁN	25	5	1992	Nữ	Hoa	DH											A2		SC			III - V.07.04.32		II	x
27	Đinh Thủy Ngân	GV TOÁN	28	9	1979	Nữ		DH											A2		SC			II - V.07.04.31		II	
28	Trần Thị Kim Nghi	GV NGOẠI NGŨ 1 (TA)	20	10	1984	Nữ		DH												B1	TC			II - V.07.04.31		II	x
29	Nguyễn Thành Nghĩa	GV SINH	10	8	1983	Nam		DH											A2		TC			II - V.07.04.31		II	x
30	Phạm Thị Bích Ngọc	GV VẬT LÝ	25	2	1993	Nữ		Ths													B1			III - V.07.04.32		II	
31	Lê Trần Bích Ngọc	GV NGỮ VĂN	22	9	1983	Nữ		DH		TTCM									A2		TC			II - V.07.04.31		II	x
32	Mai Trần Thị Ánh Ngọc	GV ÂM NHẠC	18	6	1983	Nữ		CB		TTCM									A2		TC			III - V.07.04.12		II	x
33	Nguyễn Thị Nguyệt	GV NGOẠI NGŨ 1 (TA)	17	8	1971	Nữ		DH											A2		SC			II - V.07.04.11		II	
34	Nguyễn Trương Nhi	GV TOÁN	21	1	1978	Nữ		DH														A2	SC	II - V.07.04.31		II	
35	Nguyễn Thị Ngọc Nhung	GV TIN HỌC	30	6	1984	Nữ		CB	DH										A2		SC			III - V.07.04.12			
36	Nguyễn Thuý Mộng Nhung	GV ĐỊA LÝ	18	12	1982	Nữ		CB	DH										A2					III - V.07.04.12			
37	Lương Văn Phong	GV TOÁN	28	1	1987	Nam		DH											A2		SC			II - V.07.04.32		II	x
38	Nguyễn Tấn Phong	GV GDTC	10	1	1984	Nam		DH											A2		TC			II - V.07.04.31		II	x
39	Đào Hải Phong	GV TOÁN	27	8	1982	Nam		DH														Trưởng Anh A	SC	II - V.07.04.11			
40	Bùi Hoàng Yến Phương	GV ÂM NHẠC	29	3	1981	Nữ		CB	DH													Trưởng Anh A	SC	III - V.07.04.12			
41	Võ Duy Quang	GV LỊCH SỬ	10	11	1963	Nam		DH		TTCM												Trưởng Anh A	TC	II - V.07.04.31		II	x
42	Nguyễn Thị Hồng Thắm	GV NGỮ VĂN	2	3	1985	Nữ		DH											A2		TC			II - V.07.04.31		II	x
43	Phan Thị Thanh	GV HÓA	23	7	1977	Nữ		DH		TTCM									A2		TC			II - V.07.04.31		II	x
44	Huyền Nguyễn Thanh Thư	GV NGOẠI NGŨ 1 (TA)	10	9	1976	Nữ		DH		BDQL, TTCM										B1	TC			II - V.07.04.31		II	x
45	Trần Thị Như Thủy	GV TOÁN	2	1	1987	Nữ		DH											A2		SC			II - V.07.04.31		II	x
46	Nguyễn Thị Thủy Trang	GV NGOẠI NGŨ 1 (TA)	30	10	1987	Nữ		DH											A2		SC			III - V.07.04.32			
47	Nguyễn Thị Thủy Trang	GV NGOẠI NGŨ 1 (TA)	3	4	1972	Nữ		DH												B1	SC			II - V.07.04.11			
48	Bùi Đình Triều	GV GDTC	25	9	1991	Nam		DH											A2		SC			II - V.07.04.31		II	x
49	Nguyễn Thị Thanh Trúc	GV ĐỊA LÝ	14	2	1986	Nữ		DH														A2	SC	III - V.07.04.32		III	
50	Đặng Bảo Trung	GV MĨ THUẬT	14	6	1988	Nam		DH														A2	SC	III - V.07.04.32		II	x
51	Huyền Cẩm Tú	GV NGỮ VĂN	28	9	1982	Nữ		DH														A2	TC	II - V.07.04.11		II	
52	Trịnh Thanh Tuấn	GV TOÁN	10	2	1984	Nam		DH											A2		SC			II - V.07.04.31		II	
53	Nguyễn Thanh Tùng	GV TOÁN	13	1	1978	Nam		DH		BDQL									A2		TC			II - V.07.04.31		II	x
54	Trần Thị Ngọc Tuyết	GV ĐỊA LÝ	1	9	1980	Nữ		DH														Trưởng Anh A	SC	II - V.07.04.11		II	
55	Mai Thị Tuyết	GV NGỮ VĂN	14	9	1993	Nữ		DH											A2		SC			III - V.07.04.32			
56	Lê Thị Ngọc Tuyết	GV TIN HỌC	30	5	1978	Nữ		DH														A2	SC	II - V.07.04.11		II	
57	Nguyễn Thị Bạch Vân	GV HÓA	24	11	1975	Nữ		DH											A2		SC			II - V.07.04.11		II	
58	Phạm Thị Thủy Vân	GV NGỮ VĂN	17	3	1983	Nữ		DH											A2		TC			II - V.07.04.11		II	x

THÔNG KÊ CHẤT LƯỢNG GIÁO VIÊN CUỐI NĂM HỌC 2022 -2023
(Thời điểm thống kê 27/4/2023)

STT	HỌ VÀ TÊN	Vị trí việc làm	Ngày sinh			Giới tính	Dân tộc	Bảng CMSP cao nhất		Nghị quyết QLGD			Trình độ tin học		Chứng nhận tham gia các lớp đào tạo CNTT	Trình độ ngoại ngữ			Trình độ Chính trị		Hạng CDNN	Bồi dưỡng hạng CDNN	Đang viên				
			Ngày	Tháng	Năm			(chỉ nhập dân tộc khác Kinh)	TC/CĐ/ĐH/Ths	Đang học	BDQL TTCM	CN Ths	Đang học	Chứng chỉ Văn bằng		Đang học	Chứng chỉ, bằng cấp CNTT khác	CC NGOẠI NGỮ (A, B, C) (đối với GV Tiếng Anh chọn Ngoại ngữ 2)	KHUNG NĂNG LỰC NN VN CC V-STEP (17)	KHUNG NĂNG LỰC NN CHÂU ÂU ECE (19)				SC/TC CC/CN	Đang học hệ	Theo TT03/2021 TTLT22/2015	Đã BD CDNN hạng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(24)	(25)				
1	Phạm Ngọc Nhi	HIỆU TRƯỞNG	24	12	1977	Nữ		Ths		BDQL			UD CNTT Cơ bản			Tiếng Anh B			TC		II - V.07.04.31	II	x				
2	Lê Ngọc Cát	PHÓ HIỆU TRƯỞNG	1	2	1974	Nam		ĐH		BDQL			CC Tin học (A, B, C)			Tiếng Anh B			TC		II - V.07.04.31	II	x				
3	Phạm Thị Ngọc Diệp	PHÓ HIỆU TRƯỞNG	27	8	1981	Nữ		ĐH		BDQL			CC Tin học (A, B, C)			Tiếng Anh B			TC		II - V.07.04.31	II	x				
TỔNG SỐ: 3							Kinh: 3	TC: 0	TC: 0	TTCM: 0	CN: 0	CN: 0	CC ABC: 2	CC ABC: 0	STEM: 0	CC A: 0	A1: 0	B1: 0	SC: 0	SC: 0	I (TT03): 0	Chưa BD: 0	ĐV: 2				
							DT: 0	CĐ: 0	CĐ: 0	BDQL: 2	Ths: 0	Ths: 0	CNTT CB: 0	CNTT CB: 0	Elearning: 0	CC B: 2	A2: 0	B2: 0	TC: 2	TC: 0	II (TT03): 2	I: 0	ĐB: 0				
								ĐH: 2	ĐH: 0				CNTT NC: 0	CNTT NC: 0	Day học: 0	CC C: 0	B1: 0	C1: 0	CC: 0	CC: 0	III (TT03): 0	II: 2					
							Ths: 0	Ths: 0					TC: 0	TC: 0	Quản lý: 0	CĐ: 0	B2: 0	C2: 0	CN: 0	CN: 0	I (TT22): 0	III: 0					
													CĐ: 0	CĐ: 0		ĐH: 0	C1: 0	TOEFL 525: 0			II (TT22): 0						
													ĐH: 0	ĐH: 0			C2: 0	IELTS 5.5: 0			III (TT22): 0						
													Ths: 0	Ths: 0													
TRONG ĐÓ NỮ: 2							Kinh: 2	TC: 0	TC: 0	TTCM: 0	CN: 0	CN: 0	CC ABC: 1	CC ABC: 0	STEM: 0	CC A: 0	A1: 0	B1: 0	SC: 0	SC: 0	I (TT03): 0	Chưa BD: 0	ĐV: 1				
							DT: 0	CĐ: 0	CĐ: 0	BDQL: 1	Ths: 0	Ths: 0	CNTT CB: 0	CNTT CB: 0	Elearning: 0	CC B: 1	A2: 0	B2: 0	TC: 1	TC: 0	II (TT03): 1	I: 0	ĐB: 0				
								ĐH: 1	ĐH: 0				CNTT NC: 0	CNTT NC: 0	Day học: 0	CC C: 0	B1: 0	C1: 0	CC: 0	CC: 0	III (TT03): 0	II: 1					
							Ths: 0	Ths: 0					TC: 0	TC: 0	Quản lý: 0	CĐ: 0	B2: 0	C2: 0	CN: 0	CN: 0	I (TT22): 0	III: 0					
													CĐ: 0	CĐ: 0		ĐH: 0	C1: 0	TOEFL 525: 0			II (TT22): 0						
													ĐH: 0	ĐH: 0			C2: 0	IELTS 5.5: 0			III (TT22): 0						
													Ths: 0	Ths: 0													

Người lập bảng



Phan Thị Lan

